

Deloitte.

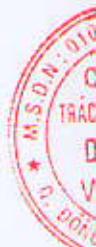
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
THÁI BÌNH ĐƯƠNG

(*Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MSDN: 012



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Thành	Chủ tịch
Bà Hoàng Thị Hồng Tứ	Phó Chủ tịch
Bà Đinh Ánh Phượng	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc
---------------------	-------------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kê toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Quốc Bình
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2014

Số: 261 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2014, từ trang 4 đến trang 20. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0029-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 13 tháng 8 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1291-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B01a-CTQ

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		43.461.280.928	42.968.370.831
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	28.970.995.767	20.835.253.934
1. Tiền	111		1.700.552.793	835.253.934
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.270.442.974	20.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	6.482.971.660	14.470.039.300
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.168.743.430	15.267.507.184
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.685.771.770)	(797.467.884)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.976.159.586	7.646.288.597
1. Phải thu khách hàng	131		-	6.501.659.522
2. Trả trước cho người bán	132	6	6.840.790.600	-
3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	7	1.032.807.723	1.043.603.063
4. Các khoản phải thu khác	135	8	702.561.263	701.026.012
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(600.000.000)	(600.000.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.153.915	16.789.000
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		31.153.915	16.789.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=260)	200		361.613.387	483.211.587
I. Tài sản dài hạn khác	260		361.613.387	483.211.587
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		361.613.387	483.211.587
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		43.822.894.315	43.451.582.418

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		2.409.884.665	2.500.150.892
I. Nợ ngắn hạn	310		2.409.884.665	2.500.150.892
1. Phải trả người bán	312		873.575.718	186.263.492
2. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	259.612.127	1.458.346.985
3. Phải trả người lao động	315		524.913.500	729.145.615
4. Chi phí phải trả	316		-	80.400.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		16.980.875	45.945.875
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		734.802.445	48.925
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	10	41.413.009.650	40.951.431.526
I. Vốn chủ sở hữu	410		41.413.009.650	40.951.431.526
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		297.571.576	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		595.143.152	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.520.294.922	5.951.431.526
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		43.822.894.315	43.451.582.418

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B01a-CTQ
Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		2.348.800.000	2.816.040.000
Trong đó:				
1.1. Chứng khoán giao dịch			2.348.800.000	2.816.040.000
2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		2.242.540.000	2.912.080.000
3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	17	18.034.825.569	24.162.960.514
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		18.034.825.569	24.162.960.514
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	18	1.339.490.478.150	1.789.694.479.750
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		1.339.490.478.150	1.789.694.479.750
5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		1.032.807.718	1.043.605.976



Trịnh Quốc Bình
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2014

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng
Người lập biếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B02a-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
1. Doanh thu	01	11	4.733.111.827	4.310.118.844
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01)	10		4.733.111.827	4.310.118.844
3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		1.840.736.634	358.351.304
4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		2.892.375.193	3.951.767.540
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	12	917.334.094	49.645.590
6. Chi phí tài chính	22	13	890.919.040	22.236.900
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	14	1.482.373.824	1.170.208.031
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		1.436.416.423	2.808.968.199
9. Thu nhập khác	31	15	128.180.556	1.200.000.000
10. Chi phí khác	32		-	12.853
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		128.180.556	1.199.987.147
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.564.596.979	4.008.955.346
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	344.211.335	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		1.220.385.644	4.008.955.346

Trịnh Quốc Bình
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2014

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUÝ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 7, Tòa nhà Trung Yên Plaza, Số 1 Trung Hòa
Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

BÁO CÁO LUU CHUYEN TIEN TE

(Phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B03a-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
I. LUU CHUYEN TIEN TU HOAT ĐONG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	3.872.142.818	878.009.358
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(1.054.794.952)	(261.483.305)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.328.866.547)	(1.022.606.961)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.563.046.790)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.491.589.647	1.632.032.569
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.679.790.226)	(12.853)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(262.766.050)</i>	<i>1.225.951.661</i>
II. LUU CHUYEN TIEN TU HOAT ĐONG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	9.000.000.000
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.116.216.600)	(9.212.160.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	13.674.968.122	-
4. Tiền thu lãi cho vay, lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	839.756.361	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>8.398.507.883</i>	<i>(212.160.000)</i>
III. LUU CHUYEN TIEN TU HOAT ĐONG TÀI CHÍNH			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20+30+40$)</i>	<i>50</i>	<i>8.135.741.833</i>	<i>1.013.791.661</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	20.835.253.934	1.009.933.565
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50+60$)	70	28.970.995.767	2.023.725.226



Trịnh Quốc Bình
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2014

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng
Người lập biếu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B09a-CTQ****1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hapaco, trước đó là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hải Phòng, là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006. Công ty được cấp Giấy phép quản lý quỹ theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16/UBCK-GPHDQLQ ngày 29 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 01/GPDC-UBCK ngày 03 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 18 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 16 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B09a-CTQ****3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B09a-CTQ****3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm chứng khoán vốn niêm yết, được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán được Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Theo đó, Công ty trích lập dự phòng dựa trên giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán; Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí mua các dụng cụ, thiết bị văn phòng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở đòn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tài sản từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá thị trường. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty không ghi nhận các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a-CTQ

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt tại quỹ	173.703.455	220.488.255
Tiền gửi ngân hàng	1.526.849.338	614.765.679
Các khoản tương đương tiền	27.270.442.974	20.000.000.000
	28.970.995.767	20.835.253.934

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		8.168.743.430		15.267.507.184
Công ty CP Xuất nhập khẩu Lâm Thủy Sản Bến Tre	6.980	301.448.630	6.980	301.448.630
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn	-	-	10	403.730
Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng	-	-	65	650.000
Công ty CP Địa Ốc Chợ Lớn	-	-	18	1.258.775
Công ty CP Xi măng Sài Sơn	-	-	31	1.351.249
Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	227.900	5.355.650.000	274.500	6.450.750.000
Công ty CP Thủy sản và Dịch vụ Thương mại Hà Nội	-	-	66.954	6.000.000.000
Công ty CP Kính mắt Hà Nội	224.254	2.511.644.800	224.254	2.511.644.800
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.685.771.770)		(797.467.884)
		6.482.971.660		14.470.039.300

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Số dư trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 thể hiện số tiền ứng trước cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội để mua 677.306 cổ phần của Xí nghiệp Giống vật nuôi Hà Nội, tương đương với tỷ lệ sở hữu 37,63% thông qua hình thức đầu giá cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Đến thời điểm hiện tại, Xí nghiệp Giống vật nuôi Hà Nội đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục để chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần.

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	799.974.050	817.275.738
Phải thu khác từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	232.833.673	226.327.325
	1.032.807.723	1.043.603.063

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a-CTQ

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Trong số các khoản phải thu khác có khoản phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng đã quá hạn từ năm 2010 với giá trị là 600.000.000 VND. Công ty đã trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập cá nhân	27.939.841	7.839.244
Thuế thu nhập doanh nghiệp	231.672.286	1.450.507.741
	259.612.127	1.458.346.985

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	35.000.000.000	-	-	5.951.431.526	40.951.431.526
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.220.385.644	1.220.385.644
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	297.571.576	-	(297.571.576)	-
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	-	595.143.152	(595.143.152)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(758.807.520)	(758.807.520)
Số dư tại ngày 30/6/2014	35.000.000.000	297.571.576	595.143.152	5.520.294.922	41.413.009.650

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương ngày 5 tháng 5 năm 2014, Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2013 với tỷ lệ tương ứng là 10%, 5% và 15%.

11. DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	4.733.111.827	4.310.118.844
	4.733.111.827	4.310.118.844

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	77.231.000	-
Lãi tiền gửi	840.103.094	49.645.590
Cô tức, lợi nhuận được chia	71.000	-
	917.334.094	49.645.590

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUÝ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 7, Tòa nhà Trung Yên Plaza, Số 1 Trung Hòa
Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09a-CTQ

13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.615.154	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	888.303.886	22.236.900
	890.919.040	22.236.900

14. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	796.703.917	728.639.184
Chi phí vật liệu, dụng cụ	184.818.700	100.705.804
Chi phí khấu hao	-	25.308.510
Chi phí khác	500.851.207	315.554.533
	1.482.373.824	1.170.208.031

15. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác phản ánh khoản tiền Công ty phạt đối tác do vi phạm hợp đồng chuyển nhượng cổ phần.

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại	-	-
Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.564.596.979	4.008.955.346
Điều chỉnh cho các khoản	-	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.564.596.979	4.008.955.346
Lỗ lũy kế mang sang	-	(23.761.644.231)
Thu nhập tính thuế	1.564.596.979	(19.752.688.885)
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	344.211.335	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUÝ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 7, Tòa nhà Trung Yên Plaza, Số 1 Trung Hòa
Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B09a-CTQ****17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	24.162.960.514	44.762.434.789
Số tăng trong kỳ	579.149.964.383	1.403.808.338.220
Số giảm trong kỳ	585.278.099.328	1.424.407.812.495
Số dư cuối kỳ	18.034.825.569	24.162.960.514

18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
- Cổ phiếu niêm yết	459.162.247.200	910.854.248.800
- Cổ phiếu không niêm yết	880.328.230.950	878.840.230.950
	1.339.490.478.150	1.789.694.479.750

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối liên hệ
Ông Lê Minh Thành	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	Bên liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Tài sản Leadvisor	Bên liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hội đồng Quản trị	Chủ sở hữu
Ban Tổng Giám đốc	Ban Điều hành

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUÝ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 7, Tòa nhà Trung Yên Plaza, Số 1 Trung Hòa
Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a-CTQ

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Chi tiết số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và giao dịch chủ yếu phát sinh trong kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 với các bên liên quan như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
<i>Tiền gửi tại Ngân hàng</i>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	705.822.946	605.434.646
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	807.274.881	314.287.474
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Tài sản Leadvisor	-	6.501.144.322
<i>Phải trả khác</i>		
Ông Lê Minh Thành	-	29.007.000
<i>Giá trị danh mục do nhà đầu tư gửi ủy thác</i>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	553.552.546.600	717.484.839.263
	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
<i>Doanh thu quản lý danh mục</i>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	1.439.974.052	1.367.050.046
<i>Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</i>		
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	419.415.302	373.123.547

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp cộng với lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUÝ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 7, Tòa nhà Trung Yên Plaza, Số 1 Trung Hòa
Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a-CTQ

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ (không bao gồm dự phòng)		Giá trị hợp lý	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.970.995.767	20.835.253.934	28.970.995.767	20.835.253.934
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	8.168.743.430	15.267.507.184	6.482.971.660	14.470.039.300
Trả trước cho người bán	6.840.790.600	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng	-	6.501.659.522	(*)	(*)
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	1.032.807.723	1.043.603.063	(*)	(*)
Các khoản phải thu khác	702.561.263	701.026.012	(*)	(*)
	45.715.898.783	44.349.049.715		
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán	873.575.718	186.263.492	(*)	(*)
Chi phí phải trả	-	80.400.000	(*)	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16.980.875	45.945.875	(*)	(*)
	890.556.593	312.609.367		

(*) Ngoại trừ các khoản mục tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a-CTQ

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu nhiều rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và có chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong kỳ, Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ. Vì vậy, Công ty không chịu rủi ro tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất đối với Công ty bắt nguồn từ những thay đổi tiềm tàng trong giá trị của các tài sản và công nợ tài chính do biến động lãi suất thị trường. Ban Tổng Giám đốc định kỳ rà soát rủi ro tiềm tàng của Công ty trong bối cảnh kinh tế và điều kiện kinh doanh hiện hành, tập trung vào rủi ro lãi suất và rủi ro thị trường. Công ty chưa thực hiện đánh giá độ nhạy rủi ro lãi suất do chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầu vào đáng tin cậy.

Quản lý rủi ro về giá công cụ vốn

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ mục đích kinh doanh. Biến động giá thị trường ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của danh mục đầu tư của Công ty cũng như lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư. Để phòng ngừa rủi ro về giá (giảm giá chứng khoán đầu tư), Công ty đã đa dạng hóa danh mục đầu tư, xây dựng hạn mức đầu tư. Ngoài ra, việc cơ cấu các khoản đầu tư cũng giúp cho Công ty phòng ngừa được rủi ro về giảm giá các khoản đầu tư trong điều kiện thị trường khó khăn như hiện nay. Công ty chưa thực hiện đánh giá độ nhạy rủi ro giá thị trường của cổ phiếu do chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầu vào đáng tin cậy.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUÝ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 7, Tòa nhà Trung Yên Plaza, Số 1 Trung Hòa
Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a-CTQ

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.970.995.767	-	28.970.995.767
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	8.168.743.430	-	8.168.743.430
Trả trước cho người bán	6.840.790.600	-	6.840.790.600
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	1.032.807.723	-	1.032.807.723
Các khoản phải thu khác	702.561.263	-	702.561.263
Tổng cộng	45.715.898.783	-	45.715.898.783
Phải trả người bán	873.575.718	-	873.575.718
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16.980.875	-	16.980.875
Tổng cộng	890.556.593	-	890.556.593
Chênh lệch thanh khoản thuần	44.825.342.190	-	44.825.342.190
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.835.253.934	-	20.835.253.934
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	15.267.507.184	-	15.267.507.184
Phải thu khách hàng	6.501.659.522	-	6.501.659.522
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	1.043.603.063	-	1.043.603.063
Các khoản phải thu khác	701.026.012	-	701.026.012
Tổng cộng	44.349.049.715	-	44.349.049.715
Phải trả người bán	186.263.492	-	186.263.492
Chi phí phải trả	80.400.000	-	80.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	45.945.875	-	45.945.875
Tổng cộng	312.609.367	-	312.609.367
Chênh lệch thanh khoản thuần	44.036.440.348	-	44.036.440.348

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUÝ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 7, Tòa nhà Trung Yên Plaza, Số 1 Trung Hòa
Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a-CTQ

21. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và các thuyết minh có liên quan là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh có liên quan cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là số liệu của báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.



Trịnh Quốc Bình
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2014

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng
Người lập biếu
